

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực
mỏ đất Linh Trường 2 thuộc xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần khoáng sản T88 tại Văn bản số 15/CV-MT ngày 09 tháng 7 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 973/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực mỏ đất Linh Trường 2 thuộc xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần khoáng sản T88 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần khoáng sản T88 có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND xã Cồn Tiên và Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản T88 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- PCVP Nguyễn Cửu;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực mỏ đất
Linh Trường 2 thuộc xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị”

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực mỏ đất Linh Trường 2 thuộc xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần khoáng sản T88.

1.2. Quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Khu vực Dự án nằm hoàn toàn trong 6,5 ha đã được cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng tại Giấy xác nhận số 4180/XN-SNNMT ngày 20/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị, thuộc địa phận hành chính xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị. Phạm vi thực hiện Dự án theo Giấy phép thăm dò được giới hạn bằng các tọa độ điểm mốc như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm góc khu vực thăm dò

Các điểm khép góc	Tọa độ VN 2000		Diện tích (ha)
	Kinh tuyến trực 106 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰		
	X (m)	Y (m)	
1	1876276,03	602091,38	6,5 ha
2	1876294,18	602209,37	
3	1876344,26	602268,31	
4	1876320,49	602450,35	
5	1876295,48	602442,38	
6	1876236,46	602428,45	
7	1876223,42	602399,47	
8	1876201,41	602390,49	
9	1876159,41	602394,55	
10	1876077,42	602405,65	
11	1876104,23	602254,61	
12	1876124,12	602169,58	
13	1876131,05	602113,57	

Trong ranh giới diện tích thăm dò của mỏ có phần diện tích khoảng 0,2014 ha đất chồng lấn với diện tích quy hoạch xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc Nam được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết 172/2024/QH15; diện tích hành lang an toàn đường sắt là 0,1787 ha.

Diện tích ranh giới khu vực khai thác của Dự án sau khi đưa phần diện tích chồng lấn và hành lang an toàn là 6,1199 ha, được giới hạn bằng các toạ độ điểm mốc như sau:

Bảng 2. Tọa độ các điểm góc khu vực khai thác

Các điểm khép góc	Tọa độ VN 2000		Diện tích (ha)
	Kinh tuyến trực 106 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		
	X (m)	Y (m)	
1	1876276,03	602091,38	6,1199 ha
2	1876294,18	602209,37	
3	1876344,26	602268,31	
4	1876320,49	602450,35	
5	1876295,48	602442,38	
6	1876236,46	602428,45	
7	1876223,42	602399,47	
8	1876201,41	602390,49	
9	1876159,41	602394,55	
10	1876077,42	602405,65	
11	1876104,23	602254,61	
A	1876120,14	602184,59	
B	1876247,04	602096,42	

- Quy mô diện tích của Dự án: 6,1199 ha.
- Trữ lượng khai thác: 459.777 m³.
- Tuổi thọ của mỏ là 05 năm.
- Quy mô công suất: Năm 1 đến năm thứ 4: 100.000 m³ nguyên khối đất/năm. Năm thứ 5: 59.777 m³ nguyên khối đất/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác được lựa chọn là khai thác lộ thiên theo hệ thống khai thác lớp bằng với chiều cao tầng khai thác trung bình 5,0 m. Sau khi khai thác hết một lớp, tiếp tục chuyển sang lớp kế tiếp; khi chiều dài tuyến công tác đạt khoảng 50 – 150 m thì tiến hành mở và khai thác lớp tiếp theo, theo phương pháp cuốn chiếu.

- Căn cứ theo Báo cáo kết quả thăm dò khảo sát, đất phủ được tính vào trữ lượng toàn mỏ nên không bố trí bãi thải tại Dự án. Khối lượng bóc phủ vào năm khai thác thứ 5 của Dự án được đưa về các vị trí đã kết thúc khai thác để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác:

- + Chiều cao tầng kết thúc khai thác: 10,0 m (Cao độ kết thúc khai thác +5,0 m).
- + Chiều cao tầng khai thác: 5,0 m.
- + Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu: 20-25 m (Tùy theo mặt bằng thực tế).

- + Chiều dài tuyến khai thác: 50 – 150 m (Tùy theo mặt bằng thực tế).
- + Góc nghiêng sườn tầng khai thác: 45°.
- + Góc nghiêng sườn tầng khi kết thúc khai thác: 30°.
- + Góc nghiêng bờ kết thúc: 27-30°.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

a. Công tác mở vỉa

Tiến hành mở vỉa tại điểm mốc số 10, toạ độ mở vỉa $X(m) = 1876077,42$; $Y(m) = 602405,65$ (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $106^000'$, múi chiếu 3^0), khai trường được mở dần về phía Bắc.

b. Công tác vận chuyển

- Phương thức vận tải: Dùng ô tô vận chuyển để bán cho khách hàng.

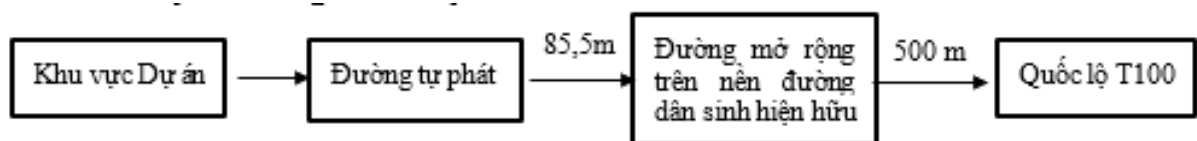
- Tuyến đường vận tải ngoại mỏ:

+ Thực hiện mở tuyến đường vận tải ngoại mỏ có chiều dài khoảng 85,5 m tiếp cận luôn với mặt bằng diện khai thác ban đầu.

Đọc hai bên tuyến đường bố trí hệ thống rãnh thoát nước có chiều dài 85,5 m chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5 m thu gom và dẫn thoát nước mưa chảy tràn. Trên tuyến bố trí 01 cống ngầm thoát nước ngang đường đường kính D1000 để bảo đảm khả năng thoát nước và hạn chế xói lở nền đường trong mùa mưa.

+ Mở rộng tuyến đường dân sinh hiện hữu có chiều dài 500 m kết nối từ tuyến đường mở mới dài 85,5 m ra đến Quốc lộ T100 có chiều rộng nền đường lên 8 m đáp ứng nhu cầu vận chuyển.

Sơ đồ tuyến đường vận chuyển chính:



c. Khu phụ trợ

Bố trí khu phụ trợ (nằm trong diện tích khai thác) bao gồm: Nhà văn phòng bằng container 20 feet, kho chứa chất thải, nhà vệ sinh, diện tích trồng cây xanh. Tổng diện tích khu phụ trợ là 0,4911 ha. Vị trí được bố trí cố định tại góc phía Bắc trong phạm vi mỏ, gần đường ra vào khu mỏ nhằm thuận lợi cho quá trình quản lý, hoạt động của Dự án.

đ. Thoát nước mỏ

Hệ thống rãnh thu nước mưa chảy tràn vào hồ lắng theo hình thức tự chảy, thoát theo hướng từ Đông Nam - Tây Bắc. Rãnh thoát nước có chiều dài 300 m, rộng 0,5 m, sâu 0,5 m chảy về hồ thu nước dung tích khoảng 75 m³ kích thước (5x5x3)m để lắng cặn sơ bộ.

Nước mưa chảy tràn từ hồ thu nước theo rãnh thoát nước kích thước trung bình 40mx0,5mx0,5m tự chảy về hồ lắng 2 ngăn dung tích 7.663 m³ để tiếp tục lắng cặn. Do dự án kết thúc khai thác tại cao trình thấp nhất là +5 m, cao trình thấp nhất của hồ lắng 2 ngăn là +3 m, rãnh thu nước mưa tạo độ dốc 1-2 %, do đó nước mưa chảy tràn hoàn toàn tự chảy về hồ lắng 2 ngăn.

Nước sau lắng được dẫn theo chế độ tự chảy ra sông Bến Hải bằng mương thoát nước có chiều dài 100 m, rộng 2 m, chiều sâu 0,5 m.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án bao gồm:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Mở vĩa, tạo diện khai thác ban đầu; xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ; thi công các hạng mục hồ lắng, hồ thu, mương rãnh thoát nước.
- Giai đoạn vận hành: Các hoạt động của công nhân tại mỏ, hoạt động bốc xúc, vận chuyển, khai thác đất san lấp.
- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Hoạt động phá dỡ các công trình phụ trợ, hoạt động san gạt, cải tạo mặt bằng, trồng cây, lắp biển báo.

1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện Dự án

Khu vực thực hiện Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động mở vĩa: Tác động đến đa dạng sinh học; gia tăng bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại.
- Hoạt động khai thác: Gia tăng bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại; thay đổi cảnh quan môi trường; tiềm ẩn rủi ro sự cố và mất an toàn lao động, mất an toàn giao thông,...
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường: Phát sinh bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Hoạt động sinh hoạt của 10 công nhân xây dựng Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 0,2 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các chất cặn bở, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N/P) và vi sinh gây bệnh (Coliforms/E.Coli).

- Nước thải xây dựng: Phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (TSS), chứa vôi vữa, xi măng,...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh qua khu vực thi công xây dựng khoảng 1.896 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), đất,...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận tải, máy móc thi công trong quá trình xây dựng. Thành phần chủ yếu là Bụi, NO_x, SO₂, CO.... Đối tượng ảnh hưởng gồm công nhân trên công trường, các hộ dân sản xuất xung quanh khu vực dự án, các hộ dân sống dọc tuyến đường vận tải và các phương tiện tham gia lưu thông trên tuyến đường vận tải.

3.1.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh từ 10 CBCNV với khối lượng khoảng 5 kg/ngày. Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, bao bì nilon, bìa carton, xương động vật...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Phát sinh theo từng năm khai thác, tổng khối lượng phát sinh trên toàn bộ mỏ khoảng 51,9 tấn. Thành phần sinh khối thực vật chủ yếu là rễ, lá, thân cây.

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 0,21 tấn. Thành phần chủ yếu là vỏ bao xi măng, sắt thép vụn,...

c. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại: Lượng phát sinh khoảng 20 kg. Thành phần chủ yếu từ giẻ lau dính dầu, các hộp đựng dầu...

3.1.3. *Tiếng ồn và độ rung*

- Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị khai thác (máy mức) và phương tiện vận chuyển tác động trực tiếp đến CBCNV tại mỏ và người dân làm việc tại khu vực lân cận khu mỏ.

3.1.4. *Các tác động khác*

- Tác động đến môi trường đất.

- Tác động đến hệ sinh thái.

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động đến đất sản xuất của các hộ dân liền kề và tăng nguy cơ sạt lở đất.

- Tác động đến hoạt động giao thông vận tải trong khu vực.

- Hoạt động khai thác tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông và sự cố sạt lở, sụt lún.

3.2. Giai đoạn vận hành, cải tạo, phục hồi môi trường

3.2.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Hoạt động sinh hoạt của 12 công nhân làm việc tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 0,24 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các chất cặn bã, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N/P) và vi sinh gây bệnh (Coliforms/E.Coli).

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh qua toàn bộ mỏ khoảng 18.991 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), đất,...

- Nước thải rửa xe: Phát sinh khoảng 0,36 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), đất, dầu mỡ...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận tải, máy móc thi công trong quá trình khai thác và vận chuyển. Thành phần chủ yếu là Bụi, NO_x, SO₂, CO.... Đối tượng ảnh hưởng gồm công nhân trên công trường, các hộ dân sản xuất xung quanh khu vực dự án, các hộ dân sống dọc tuyến đường vận tải và các phương tiện tham gia lưu thông trên tuyến đường vận tải.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh từ 12 CBCNV với khối lượng khoảng 6 kg/ngày. Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, bao bì nilon, bìa carton, xương động vật...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Phát sinh theo từng năm khai thác, tổng khối lượng phát sinh trên toàn bộ mỏ khoảng 51,9 tấn. Thành phần sinh khối thực vật chủ yếu là rễ, lá, thân cây.

- Chất thải rắn là đất phong hoá: Toàn bộ đất phủ và đất phong hoá được tính vào trữ lượng toàn mỏ nên không phát sinh chất thải rắn phong hoá.

c. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại: Lượng phát sinh khoảng 95 kg/năm. Thành phần chủ yếu từ giẻ lau dính dầu, các hộp đựng dầu, dầu thải,...

3.2.3. Tiếng ồn và độ rung

- Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị khai thác (máy múc) và phương tiện vận chuyển tác động trực tiếp đến CBCNV tại mỏ và người dân làm việc tại khu vực lân cận khu mỏ.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến môi trường đất.

- Tác động đến hệ sinh thái.

- Tác động đến kinh tế - xã hội.
- Tác động đến đất sản xuất của các hộ dân liền kề và tăng nguy cơ sạt lở đất.
- Tác động đến hoạt động giao thông vận tải trong khu vực.
- Hoạt động khai thác tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông và sự cố sạt lở, sụt lún.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường theo các giai đoạn của Dự án

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh của mỏ được thu gom, xử lý tại bể tự hoại 2 m³. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo cột B, QCVN 14:2025/BNMT và tự thấm rút xuống đất do khối lượng nhỏ.

- Nước mưa chảy tràn:

Bố trí hệ thống rãnh thoát nước dọc theo tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ có chiều dài 85,5m chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5 m thu gom và dẫn thoát nước mưa chảy tràn về khu phụ trợ. Tại khu phụ trợ bố trí rãnh thoát nước mưa có chiều dài 300 m, chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5 m chảy về hồ thu nước có diện tích khoảng 25 m² chiều sâu 3m để lắng cặn sơ bộ. Nước sau khi lắng cặn sơ bộ tiếp tục theo rãnh thoát nước kích thước trung bình dài 40 m, chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5 m tự chảy về hồ lắng 2 ngăn dung tích 7.663 m³ bố trí tại phía Bắc khu mỏ để tiếp tục lắng cặn.

Nước sau lắng được dẫn theo chế độ tự chảy ra sông Bến Hải bằng mương thoát nước có chiều dài 100 m, rộng 2 m, chiều sâu 0,5 m.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tiến hành xây dựng theo hình thức cuốn chiếu, từng khu vực một và thực hiện trong thời gian ngắn nhất; khi xúc bốc lên xe để vận chuyển phải đúng tải trọng của xe và phải phủ bạt che kín thùng xe.

- Công ty sẽ thường xuyên phun nước dập bụi, làm ẩm tần suất 4 lần/ngày vào ngày hanh nắng trên tuyến đường vận chuyển và khu vực thi công.

- Các thiết bị thi công như máy xúc, ô tô phải thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo vận hành hiệu quả và giảm thiểu phát sinh bụi. Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, không chở quá tải trọng cho phép của xe.

- Đặt biển báo khu vực dự án đang thi công, khai thác và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực dự án để đảm bảo an toàn cho người dân.

- Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tu sửa lại tuyến đường nếu làm hư hại trong quá trình thi công Dự án.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

** Chất thải rắn sinh hoạt*

- Bố trí 03 thùng chứa rác loại 50 lít tại khu vực xây dựng để thu gom rác. Rác định kỳ được hợp đồng với tổ thu gom rác địa phương đem đi xử lý theo quy định.

- Hướng dẫn công nhân tiến hành phân loại rác tại nguồn.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân và cán bộ quản lý để hình thành thói quen, nếp sống mới.

** Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật:

+ Thực hiện phát quang thành nhiều đợt, thi công đến đâu tiến hành phát quang đến đó không phát quang tràn lan;

+ Các cây thân gỗ nhỏ, cành cây, cho các hộ dân tận dụng làm củi; phần còn lại không xử lý được sẽ tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định;

+ Tuyệt đối không sử dụng biện pháp đốt sinh khối phát quang, nhằm tránh xảy ra tình trạng cháy rừng.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn xây dựng.

+ Che chắn các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu để giảm phát sinh chất thải rắn trên đường vận chuyển.

+ Thu dọn mặt bằng công trường gọn gàng, sạch sẽ, chuyển hết các nguyên nhiên, vật liệu, phế liệu thừa về nơi quy định. Nghiêm cấm việc đổ các chất thải trong quá trình thu dọn ra các khu vực xung quanh.

c. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4 m² tại khu phụ trợ để lưu giữ tạm chất thải nguy hại, tiến hành thu gom hàng ngày vào 04 thùng chứa loại 100 lít có nắp đậy. Sau đó, hợp đồng định kỳ với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nhiên liệu sử dụng cho máy móc thiết bị được chứa trong các can, phuy chuyên dụng và để trong nhà kho chất thải nguy hại, tránh để nước mưa chảy tràn xâm nhập vào.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị nút bịt tai cho những công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.

- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.
- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.
- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.
- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh của mỏ được thu gom, xử lý tại bể tự hoại 2 m³. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo cột B, QCVN 14:2025/BNMT và tự thấm rút xuống đất do khối lượng nhỏ.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa chảy tràn qua tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ:

Bố trí rãnh thoát nước mưa chảy tràn dọc theo tuyến đường vận chuyển có chiều dài 85,5 m, chiều rộng 0,5 m và chiều sâu 0,5 m thoát theo địa hình tự nhiên chảy về moong khai thác.

+ Nước mưa chảy tràn qua moong khai thác:

Hệ thống rãnh thu nước mưa chảy tràn vào hồ lắng theo hình thức tự chảy, thoát theo hướng từ Đông Nam - Tây Bắc. Rãnh thoát nước có chiều dài 300 m, rộng 0,5 m, sâu 0,5 m chảy về hồ thu nước có diện tích khoảng 25 m² chiều sâu 3 m để lắng cặn sơ bộ (*vị trí hồ lắng và rãnh thoát nước thể hiện trên tổng đồ mặt bằng của dự án theo từng năm khai thác*).

Nước sau khi lắng cặn sơ bộ tiếp tục theo rãnh thoát nước kích thước trung bình dài 40 m, chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5 m tự chảy về hồ lắng 2 ngăn dung tích 7.663 m³ bố trí tại phía Bắc khu mỏ để tiếp tục lắng cặn.

Nước sau lắng được dẫn theo chế độ tự chảy ra sông Bến Hải bằng mương thoát nước có chiều dài 100 m, rộng 2 m, chiều sâu 0,5 m.

- Nước thải rửa xe: Xử lý bằng bể tách dầu 2 ngăn dung tích 2 m³. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng để rửa xe.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực khai thác

- Hoạt động đào đất, san mặt bằng sẽ được tiến hành thực hiện dứt điểm từng đoạn theo hồ sơ thiết kế, mở moong thi công đến đâu thì mức đất lên xe vận chuyển tới đó, không hình thành bãi tập kết để hạn chế lượng bụi phát sinh do tập kết đất.

- Tưới nước tại khu vực khai thác tần suất tối thiểu 04 lần/ngày.
- Công nhân thi công sẽ được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình vận chuyển đất san lấp**

- Các xe vận chuyển đất san lấp tận thu sẽ được che phủ kín bạt khi hoạt động, không để rơi vãi xuống đường gây bụi và làm mất an toàn trong khu vực Dự án cũng như trên tuyến đường vận chuyển.

- Chủ dự án sẽ lắp đặt cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra vào trong công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn như ngã ba giao nhau, khúc cua, đường cong khuất tầm nhìn...

- Xe vận chuyển đúng tải trọng quy định, không chở quá tải làm hư hại và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.

- Lập kế hoạch khai thác và vận chuyển hợp lý, kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe. Không vận chuyển vào các giờ cao điểm như: Giờ bắt đầu đi làm, đi học từ 6h30 - 7h30, giờ tan ca từ 11h00 - 11h30 để tránh ùn tắc giao thông.

- Tưới nước giảm bụi trong quá trình khai thác, vận chuyển với tần suất tối thiểu 4 lần/ngày.

- Trong quá trình vận chuyển đất của Dự án nếu làm hư hỏng, xuống cấp các tuyến đường thì Chủ dự án sẽ sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ (bánh xe, thùng xe) tránh vương vãi đất cát ra đường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- Bố trí 03 thùng chứa rác loại 50 lít tại khu nhà văn phòng để thu gom rác. Rác định kỳ được hợp đồng với tổ thu gom rác địa phương đem đi xử lý theo quy định.

- Hướng dẫn công nhân tiến hành phân loại rác tại nguồn.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân và cán bộ quản lý để hình thành thói quen, nếp sống mới.

*** Chất thải rắn sản xuất**

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Tận thu cây gỗ để bán cho các đơn vị thu mua gỗ trên địa bàn. Đối với lượng cành, thân sẽ cho người dân tận dụng làm chất đốt. Đối với các loại sinh khối khác như lá, rễ không thể tận thu được sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý.

- Chất thải rắn là đất phong hoá: Đất phong hoá không phát sinh trong quá trình khai thác. Bước vào năm khai thác thứ 5 toàn bộ đất phủ sẽ được bóc và vận chuyển đưa về bãi chứa tạm có diện tích 1.000 m² ở góc phía Đông Nam khai trường (vị trí đã kết thúc khai thác) để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

b. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4 m² tại khu phụ trợ để lưu giữ tạm chất thải nguy hại, tiến hành thu gom hàng ngày vào 04 thùng chứa loại 100 lít có nắp đậy. Sau đó, hợp đồng định kỳ với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nhiên liệu sử dụng cho máy móc thiết bị được chứa trong các can, phuy chuyên dụng và để trong nhà kho chất thải nguy hại, tránh để nước mưa chảy tràn xâm nhập vào.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị nút bịt tai cho những công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.

- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.

- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.

- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn.

4.3. Các phương án bảo vệ môi trường khác

4.3.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đo vẽ bản đồ hiện trạng khu vực khai thác từng năm: Tiến hành đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:2000 tại khu vực khai thác.

- Moong khai thác: Di dời máy móc thiết bị, san gạt đáy moong khai thác và đào hố trồng cây keo lai.

- Bờ mố kết thúc khai thác: Bạt mái taluy và đào hố trồng cỏ vetiver;

- Đối với khu vực phụ trợ: Tiến hành tháo dỡ các hạng mục công trình lán trại, nhà vệ sinh kèm bể tự hoại, trạm cân, cầu rửa xe,... Lắp đặt biển báo nguy hiểm (10 biển).

- Đối với tuyến đường ngoài mỏ: San gạt, sửa chữa và bàn giao cho địa phương.

- Danh mục, khối lượng và tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường:

Bảng 3. Các công trình, khối lượng và tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Khu vực khai trường				
1.1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình I	ha	6,1199	Kết thúc khai thác năm thứ 5	Năm thứ 6
1.2	Di chuyển thiết bị ra khỏi khu vực khai thác	công	5		
1.3	Bạt mái taluy	m ³	650		
1.4	Trồng cỏ vetiver trên mặt taluy	cây	65.000		
1.5	Bổ sung đất màu trồng cây	m ³	220		
1.6	Đào mương thu gom nước từ sườn núi	m ³	312		
1.7	San gạt hồ moong khai thác	m ³	14.125,2		
1.8	Trồng cây keo lai trên đáy moong	m ²	47.084		
1.9	Bổ sung đất màu trồng cây	m ³	1.295		
1.10	Khu phụ trợ				
-	Tháo dỡ nhà container	tấn	9,87		
-	Tháo dỡ hệ thống bồn vệ sinh, rửa mặt, bể tự hoại	Tấn	2,2		
-	Tháo dỡ bể thu nước	Tấn	0,2		
-	Tháo dỡ trạm cân	Tấn	30		
-	Phá dỡ cầu rửa xe	Tấn	0,5		
-	Kho chứa chất thải nguy hại				
+	Phá dỡ móng đá học	Tấn	2,4		
+	Phá dỡ tường gạch xây	Tấn	1,62		
+	Tháo dỡ mái tôn	Tấn	0,2		
+	Phá dỡ nền bê tông	Tấn	1,8		
+	Tháo dỡ cửa ra vào	Tấn	1,6		
-	Vận chuyển phế thải	Tấn	18,19		
II	Tuyến đường ngoài mỏ				
2.1	San gạt, sửa chữa tuyến đường	Tấn	0,8	Kết thúc khai thác năm thứ 5	Năm thứ 6
2.2	Nạo vét rãnh thoát nước tuyến đường	Tấn	0,5		

- Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Dự toán tổng số tiền cải tạo, phục hồi môi trường: **1.075.298.069 đồng**
(Một tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng).

- + Số lần ký quỹ: 5 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 268.824.517 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần còn lại: 201.618.388 đồng.
- + Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.
- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị.

4.3.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Đối với sự cố cháy nổ: Thực hiện rà phá bom mìn và ban hành nội quy an toàn về điện, cấm lửa tại khu vực dễ cháy; trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ như bình CO₂, cát; xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định, bao gồm thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, diễn tập và phối hợp với kiểm lâm địa phương.

- Đối với sự cố tai nạn lao động: Lựa chọn nhà thầu có năng lực, xây dựng phương án thi công an toàn; trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và cử cán bộ giám sát an toàn thường xuyên; tổ chức tập huấn về an toàn lao động, thành lập ban chỉ đạo và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về lao động.

- Đối với sự cố tai nạn giao thông: Bố trí biển báo nguy hiểm, hạn chế tốc độ tại các vị trí cần thiết; yêu cầu phương tiện vận chuyển đúng tải trọng, tuân thủ luật giao thông và thường xuyên bảo trì, sửa chữa tuyến đường.

- Đối với sự cố sạt lở đất, bờ mỏ, taluy đường nội mỏ:

+ Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác; bố trí công nhân phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra; tạm ngừng khai thác khi trời mưa to;

+ Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở khu vực khai thác phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý;

- Đối với tuyến đường ngoại mỏ: Sau khi kết thúc khai thác thực hiện cải tạo, san gạt và hoàn trả lại cho bà con địa phương quản lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Công tác quản lý môi trường sẽ được lồng ghép và thực hiện liên tục trong suốt thời gian hoạt động của dự án. Để làm tốt công tác bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư đề ra chương trình quản lý môi trường như sau:

- Thành lập Đội quản lý môi trường 02 người có trách nhiệm quản lý quá trình khai thác và vận chuyển đất san lấp.

- Tổ chức phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra và giám sát môi trường. Phối hợp thẩm định kiểm tra các công trình, hạng mục, kiến trúc, các hệ thống kỹ thuật xử lý môi trường, phòng chống sự cố nhằm đảm bảo các quy định và quy chuẩn môi trường Việt Nam.

- Thường xuyên tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục về ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hoá đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5.2.2. Giám sát hệ thống thoát nước

- Thông số giám sát: Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ nước của hố lắng; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.

- Vị trí giám sát: Mương thu thoát nước, hố lắng.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.2.3. Giám sát cháy rừng

- Thông số giám sát: Kiểm tra thường xuyên sự chấp hành các hướng dẫn kỹ thuật, nội quy thực hiện phòng cháy chữa cháy của cán bộ công nhân viên. Trang bị bình chữa cháy tại kho chứa chất thải nguy hại để phòng chống cháy nổ lan rộng.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại và các vị trí dễ cháy nổ.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.2.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.
- Nội dung giám sát: Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng vị trí cũng như diện tích đất; thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, trồng rừng thay thế theo đúng quy định pháp luật.
- Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; đền bù và khắc phục sự cố môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra khi triển khai Dự án; thực hiện các vấn đề liên quan vệ sinh, an toàn lao động (kể cả tai nạn giao thông). Chỉ đạo các nhà thầu thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.
- + Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT; quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT, QCVN 27:2025/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc);
- + Quản lý và kiểm soát nước mặt trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT; quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT;
- + Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường;
- + Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo quy định của pháp luật.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường đối với dân cư, người lao động làm việc tại Dự án. Tuân thủ các quy định về môi trường; an toàn lao động; giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; phòng chống sạt lở; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án; tăng cường việc theo dõi, giám sát nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố sẽ dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý kịp thời.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu trong quá trình thi công của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực./.